TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/DS-ST
Ngày: 20-08-2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tiền hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hoàng Hân.

Ông Trần Như Học.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau tham gia phiên Tòa*:** Bà Phạm Thị Hồng Yến - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17, 20 tháng 08 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2018/TLST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tiền hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2018/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 07 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Dương Thị Thu H, sinh năm 1958 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm 4, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: 1/ Chị Trần Thị D, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm 6, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

2/ Anh Nguyễn Quốc S, sinh năm 1980 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm 6, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trương Thị H, sinh năm 1961 (mẹ chị D, có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Ô, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện ngày 08 tháng 02 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – bà Dương Thị Thu H trình bày yêu cầu:***

Khoảng năm 2015 chị Trần Thị D và anh Nguyễn Quốc S có nợ tiền vay, tiền mượn và tiền hụi của bà H, cụ thể như sau:

Về tiền vay:

+ Ngày 20 tháng 02 năm 2015 chị D, anh S vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, thời gian vay 02 tháng, chị D, anh S đóng lãi được 03 tháng thì ngưng không đóng lãi và không trả vốn, việc vay nợ có làm biên nhận, anh S và chị D cùng ký tên, biên nhận do bà H quản lý.

+ Ngày 20 tháng 4 năm 2015 chị D có nhờ bà H vay giùm số tiền 70.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, thời gian vay 05 tháng, chị D đóng lãi được 03 tháng thì ngưng đóng lãi và không trả vốn cho đến nay, chị D có ký biên nhận nợ, biên nhận do bà H quản lý.

+ Ngày 29 tháng 5 năm 2015 chị D vay không lãi (mượn) số tiền 20.000.000 đồng, đến nay vẫn chưa thanh toán, chị D có ký biên nhận nợ, biên nhận do bà H quản lý.

+ Ngày 08 tháng 6 năm 2015 chị D vay không lãi (mượn) số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn trả 01 tháng, đến nay vẫn chưa thanh toán, việc vay nợ có làm biên nhận do chị D ký, biên nhận do bà H quản lý.

Tổng số tiền vốn vay còn nợ là 130.000.000 đồng.

Về tiền mượn:

+ Năm 2015 chị D có mượn bà H số tiền 13.000.000 đồng để đóng hụi, hụi do bà H tham gia giùm, hụi do bà Giang làm chủ;

+ Tháng 07 năm 2015 chị D mượn bà H số tiền 10.000.000 đồng để đóng hụi, chân hụi do bà H tham giùm chị D;

Tổng tiền mượn còn nợ là 23.000.000 đồng.

Về tiền hụi:

+ Chị D nhờ bà H tham gia giùm 01 chân hụi, hụi của chị L làm chủ, loại hụi 5.000.000 đồng, hụi mở ngày 15/01/2015, hụi mỗi tháng khui 02 lần vào 15, 30 hàng tháng. Đến nay hụi đã mãn, phía chị D còn nợ bà H số tiền đóng hụi chết là 136.500.000 đồng.

+ Ngoài ra chị D có nhờ bà H đóng giùm 01 chân hụi với số tiền là 20.000.000 đồng (chân hụi tham gia cùng chị D);

Tổng số tiền hụi là 156.500.000 đồng.

Tổng cộng tiền vay vốn, tiền mượn, tiền hụi mà chị D và anh S nợ bà H là 309.500.000 đồng.

Quá trình chị D vay nợ, mượn tiền và tham gia hụi thì chị D và anh S vẫn là vợ cH, chưa ly hôn, có những biên nhận nợ do anh S và chị D cùng ký tên, khi chị D không có khả năng thanh toán nợ thì anh S có nói là đợi vợ (chị D) về để đối chiếu nợ, anh S đã trả cho bà H 6.000.000 đồng.

Nay bà H yêu cầu chị D, anh S liên đới trả khoản tiền vay vốn gốc, tiền hụi, tiền mượn là 303.500.000 đồng, về lãi suất không yêu cầu.

**** Tại bản tự khai ngày 09 tháng 4 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn – chị Trần Thị D trình bày:***

Chị D xác định chị có vay tiền của bà H nhiều lần, có làm biên nhận nợ vào năm 2015, có 01 biên nhận thì anh S cùng ký tên là 20.000.000 đồng, các số nợ chị D không nhớ rõ cụ thể. Thời điểm này giữa anh S và chị D vẫn còn là vợ cH, anh S và chị D ly hôn vào cuối năm 2017; các khoản nợ chung giữa vợ cH do vợ cH tự thỏa thuận trả và không có làm văn bản; trong đó các khoản nợ Ngân hàng do anh S thanh toán, nợ cá nhân do chị D tự trả. Chị D xác định không có khoản tiền mượn như bà H trình bày. Các khoản nợ vay đã trả xong nhưng còn khoản tiền chị nhờ bà H tham gia hụi giùm ở chân hụi tham gia cùng chị D còn nợ nên các biên nhận vay bà H vẫn còn quản lý. Cụ thể:

- Hụi của chị Giang làm chủ, không nhớ rõ năm tham gia, loại hụi 5.000.000 đồng, hụi 01 tháng khui 01 lần, chị D nhờ bà H tham gia 01 chân, chân hụi đề tên bà H, sau khi mãn hụi chị D còn nợ bà H 10.000.000 đồng, số nợ này đã cộng chung vào chân hụi mà chị D nhờ bà H tham gia của dây hụi chị L;

- Hụi của chị L, chị D đã nhờ bà H hốt chân hụi này với số tiền là 134.500.000 đồng (đã trừ tiền cò), sau đó có trừ khoản nợ của bà H (mẹ ruột chị D) 40 triệu đồng, còn 01 khoản tiền bà H giao cho chị D nhưng không nhớ rõ bao nhiêu. Các bên có làm Giấy cam kết lãnh chơi hụi, Giấy cam kết bà H nộp cho Tòa án là đúng chữ ký của chị D, bà H nhưng còn thiếu 01 biên nhận cấn trừ nợ do chị D ghi riêng giao lại cho bà H giữ về việc chốt nợ.

- Hụi nhờ bà H tham gia giùm, hụi mở ngày 30/7/2016 âm lịch, chị D tham gia nữa chân (tham gia cùng chị D), loại hụi 01 triệu đồng, mỗi tháng khui 02 lần, khui ngày 15, 30 hàng tháng, hụi 41 chân, khi tham gia đề tên bà H, bà H hốt hụi giùm được 29.360.000 đồng, số tiền hụi chết phải đóng chị D còn nợ bà H là 20.000.000 đồng (1/2 chân).

Các khoản tiền vay, tiền hụi mục đích để chị D cùng hùn hạp làm ăn, đóng hụi, sản xuất kinh doanh với bà H (mẹ ruột chị D) vào năm 2015, sau đó làm ăn thua lỗ nên chị D không làm tiếp.

Bà H yêu cầu anh S và chị D trả tổng số tiền 303.500.000 đồng gồm tiền vay, tiền hụi, tiền mượn thì chị D không đồng ý.

Chị D chỉ đồng ý trả cho bà H 20.000.000 đồng tiền hụi còn nợ (chân hụi tham gia cùng chị D).

Các biên nhận do chị D ký, bà H và anh S ký là đúng, chị D không yêu cầu Tòa án giám định chữ ký đối với các biên nhận này.

Số tiền anh S thanh toán cho bà H bao nhiêu thì chị D không biết rõ.

**** Tại văn bản ý kiến cá nhân ngày 07 tháng 3 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn – anh Nguyễn Quốc S trình bày:***

Anh S và bà H từ trước đến nay không quan hệ vay mượn gì của nhau, cũng như anh S chưa từng tham gia hụi của bất kỳ một ai nên bản thân anh S không nợ bà H khoản tiền nợ nào cả.

Tuy nhiên vào thời gian vài năm trước chị Trần Thị D có đem giấy vay mượn tiền của bà H về nhà, nhờ anh S ký xác nhận là có vay của bà H một khoản tiền vài chục triệu và sau đó chị D đã trả xong khoản tiền trên.

Sau khi chị D đi làm công nhân ở thành phố Hồ Chí Minh (không có ở nhà), bà H lấy giấy vay mượn nợ với số tiền 15.000.000 đồng có chữ ký của chị D và có chữ ký xác nhận của anh S để yêu cầu anh S thanh toán số tiền trên. Anh S đã gửi trả bà H 03 lần với số tiền 7.000.000 đồng. Giữa bà H và chị D có mối quan hệ làm ăn như thế nào thì anh S không rõ.

Đến ngày 28/5/2018, anh S có văn bản (Ý kiến cá nhân) thể hiện: "… *Chữ ký trong biên nhận mà Tòa án đã phô tô kèm theo Công văn số 110 là giống chữ ký của tôi, tôi không thể xác định được chữ ký đó có thật S của mình không vì quá lâu, với bằng mắt thường tôi không thể xác định chính xác chữ ký đó có thật S là của tôi không (nếu cần thì đề nghị cơ quan chức năng xác định giùm)….* ", khi chị D vắng nhà thì bà H đến nơi anh S làm việc buộc trả nợ theo giấy xác nhận nợ khoảng 15 đến 20 triệu đồng, anh S cho rằng chỉ ký tên trong một biên nhận nợ duy nhất và anh không hưởng lợi ích gì từ việc vay mượn nợ của chị D.

**** Tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải ngày 06 tháng 6 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Trương Thị H:***

Việc vay mượn nợ giữa chị D, anh S với bà H thì bà H không biết rõ, bà H chỉ ký vào giấy cam kết lãnh chơi hụi mà bà H tham gia 01 chân hụi giùm chị D, loại hụi 5.000.000 đồng, do chị L làm chủ. Bà H xác định chị D có nợ bà H nên bà H mới ký lãnh trả nợ luôn cho chị D.

**** Tại phiên tòa:***

- Bà H trình bày: Buộc chị D, anh S thanh toán số tiền vay vốn gốc là 130.000.000 đồng, đối với khoản tiền mượn 10.000.000 đồng do chị D không thừa nhận và bà H không có biên nhận nên bà H rút lại yêu cầu đối với khoản nợ mượn 10.000.000 đồng này. Về khoản nợ hụi tham gia của chị L, bà H xác định hụi khui ngày 15/01/2015, chị D đóng hụi hết tháng 6/2015, sau đó thì không đóng hụi chết, số tiền bà H phải đóng hụi chết thay chị D là 130.000.000 đồng và tiền lãi của chân hụi là 6.500.000 đồng. Tổng cộng là 136.500.000 đồng, số tiền hụi này bà Trương Thị H là người cùng ký tên lãnh hụi với chị D nên buộc bà H và chị D cùng có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ hụi 136.500.000 đồng; Yêu cầu chị D, anh S có trách nhiệm trả tiền mượn đóng chân hụi của chị Giang

là 13.000.000 đồng và 20.000.000 đồng mà chị D còn nợ (chân hụi tham gia cùng chị D). Bà H xác định anh S đã trả cho bà 6.000.000 đồng tiền vay và đồng ý đối trừ số tiền này. Đối với các khoản vay giùm, bà H đã thanh toán xong. Hụi của chị L đã mãn, bà H đã đóng hụi chết đầy đủ nên không liên quan đến chị L.

- Chị D trình bày: Không đồng ý thanh toán cho bà H các khoản tiền nêu trên, chị D thừa nhận chỉ còn nợ bà H 20.000.000 đồng tiền hụi chơi chung với chị D (loại hụi 1.000.000 đồng, chị D và chị D mỗi người chơi ½ chân); anh S không liên quan đối với các khoản nợ này vì khi còn là vợ chồng thì chị D tự vay nợ và tham gia hụi với bà H. Đối với các chữ ký trong các biên nhận nợ là đúng chữ ký của chị D, anh S và bà H, chị D không yêu cầu cơ quan chức năng giám định đối với các chữ ký này. Trường hợp Tòa án buộc trả nợ thì chị D đồng ý tự thanh toán toàn bộ cho bà H vì các khoản nợ nêu trên không liên quan với anh S và bà H. Chị D không thừa nhận khoản nợ 10.000.000 đồng tiền mượn như bà H trình bày. Ngoài ra chị D còn xác định sau khi nhận tiền hụi từ bà H giao (chân hụi tham gia của chị L) thì chị D có ghi một biên nhận chốt nợ nhưng chị D không cung cấp được cho Tòa án vì đã thất lạc.

- Bà H trình bày: Lời trình bày của chị D là đúng. Bà H có ký tên nhận trách nhiệm trả tiền hụi cho bà H (chân hụi của chị L), việc ký tên này nhằm tạo uy tín để bà H giao tiền hụi cho chị D kinh doanh và đối trừ phần tiền vay 40.000.000 đồng trước đây của bà H còn nợ bà H. Bà H không yêu cầu giám định đối với chữ ký tên trong biên nhận cam kết lãnh chơi hụi.

- Anh S có đơn xin vắng mặt nên không có ý kiến khác.

- Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến: Về phần thủ tục tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương S đã chấp hành đúng theo quy định pháp luật nên không có kiến nghị. Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H: Buộc anh S và chị D có trách nhiệm liên đới thanh toán cho chị D khoản nợ vay là 20.000.000 đồng – 6.000.000 đồng = 14.000.000 đồng; Buộc bà H và chị D cùng có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ hụi là 24 kỳ hụi chết (35 kỳ hụi chết – 11 kỳ do chị D đóng hụi từ ngày 15/01/2015 đến 30/6/2015) x 5.000.000 đồng = 120.000.000 đồng; không chấp nhận khoản tiền lãi 6.500.000 đồng mà bà H yêu cầu; Buộc chị D có trách nhiệm thanh toán cho bà H khoản tiền vay 110.000.000 đồng, trả tiền nợ hụi 20.000.000 đồng, tiền mượn đóng hụi ở chân hụi chị G 10.000.000 đồng, tổng cộng 140.000.000 đồng. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H đối với số tiền 19.500.000 đồng. Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà H là 10.000.000 đồng và chấp nhận việc thay đổi yêu cầu trả nợ đối với anh S và bà H.

Về án phí: Buộc chị D, anh S, bà H và bà H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. **Về thủ tục tố tụng**:

Bà Dương Thị Thu H yêu cầu chị Trần Thị D, anh Nguyễn Quốc S thanh toán khoản tiền hụi, tiền vay, tiền mượn còn nợ, đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Chị D, anh S cư trú tại khóm 6, thị trấn N, huyện N nên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Lời khai của chị Phạm Thị D (người tham gia cùng chân hụi với chị D) và chị Phương Diễm L phù hợp với lời trình bày của chị D, bà H và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó không đưa chị D, chị L vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Anh Nguyễn Quốc S có yêu cầu vắng mặt phiên xét xử, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Quốc S.

Về quan hệ pháp luật:

Bà H yêu cầu chị D, anh S liên đới trả khoản nợ gốc tiền vay 130.000.000 đồng; yêu cầu chị D, anh S trả 13.000.000 đồng tiền mượn và 20.000.000 đồng tiền hụi đóng giùm, buộc bà H và chị D cùng có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ hụi 136.500.000 đồng (vốn và lãi hụi) về lãi suất không yêu cầu. Chị D chỉ đồng ý trả cho bà H số tiền 20.000.000 đồng tiền hụi còn nợ. Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tiền hụi".

Áp dụng pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự phát sinh từ năm 2015 nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để tính án phí.

[2]. Về nội dung vụ án

Xét yêu cầu của bà H: Bà H yêu cầu phía bị đơn chị D, anh S liên đới trả khoản tiền vay vốn gốc 130.000.000 đồng, tiền hụi 20.000.000 đồng, tiền mượn là 13.000.000 đồng, yêu cầu chị D và bà H liên đới thanh toán tiền nợ hụi là 136.500.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa chị D thừa nhận có vay tiền và nhờ bà H tham gia giùm hụi số tiền không nhớ cụ thể nhưng đã trả được một phần, chỉ còn nợ lại 20.000.000 đồng tiền hụi và bà H xác định có ký vào giấy cam kết lãnh chơi hụi. Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định: "*một bên thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, S kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*". Như vậy việc vay, mượn nợ và giao dịch hụi giữa các đương sự là có xảy ra.

Quá trình vay nợ và nhờ tham gia hụi thì giữa các bên có làm biên nhận, biên nhận giao cho bà H quản lý, chị D nhờ bà H hốt hụi nhưng không đóng hụi chết, chị D vay tiền của bà H nhưng không đóng lãi và trả nợ gốc làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H, bà H làm đơn khởi kiện là có căn cứ nên xem xét yêu cầu khởi kiện của bà H.

Về tiền vay: Bà H yêu cầu anh S và chị D cùng có trách nhiệm trả tiền vốn vay là 130.000.000 đồng, việc vay nợ có làm biên nhận giao cho bà H quản lý là đúng S thật. Chị D, anh S và bà H không yêu cầu giám định đối với các chữ ký trong các biên nhận.

Về tiền mượn: Bà H yêu cầu chị D và anh S cùng thanh toán số tiền 13.000.000 đồng (tiền đóng 03 kỳ hụi chết của bà Giang) chị D xác định có nhờ bà H tham gia hụi của bà Giang, loại hụi 5.000.000 đồng, sau khi mãn hụi chị D thừa nhận còn nợ 10.000.000 đồng của bà H nhưng số tiền này chị D đã nhập vào chân hụi của chị L. Xét giao dịch hụi là có xảy ra, cả hai thống nhất trình bày là chị D còn nợ tiền đóng hụi chết, phía bà H không có chứng cứ chứng minh số tiền chị D còn nợ là 13.000.000 đồng, tại biên nhận (không có ngày, tháng, năm; bút lục 45) thể hiện chị D thừa nhận còn thiếu bà H 10.000.000 đồng đóng hụi cho bà Giang, do đó lời trình bày của chị D đối với khoản nợ hụi này là có cơ sở.

Về tiền hụi: Bà H yêu cầu chị D và bà H thanh toán số tiền 136.500.000 đồng, bà H yêu cầu số tiền này là do căn cứ vào biên nhận lãnh nợ hụi do bà H và chị D ký tên giao bà H quản lý là chưa phù hợp, có một biên nhận (bút lục 45) thể hiện chị D bắt đầu ngưng đóng hụi cho bà H kể từ tháng 7 năm 2015, chân hụi của chị L, hụi khui ngày 15/01/2015, hụi gồm 36 chân, hụi mỗi tháng khui hai lần. Như vậy trước đó chị D đã đóng hụi đầy đủ, số tiền chị D còn nợ đến khi mãn hụi là (35kỳ -11kỳ) x 5.000.000 đồng = 120.000.000 đồng. Từ khi bà H nộp đơn khởi kiện đến tại phiên tòa hôm nay đều xác định là chỉ yêu cầu chị D, anh S, bà H trả khoản nợ gốc, về lãi suất không đặt ra yêu cầu do đó khoản tiền 6.500.000 đồng lãi hụi là không có cơ sở chấp nhận.

Hụi của chị D và chị D nhờ bà H tham gia giùm, chị D và bà H trình bày thống nhất số tiền chị D còn nợ bà H là 20.000.000 đồng. Bà H yêu cầu chị D, anh S thanh toán số tiền hụi 20.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu khoản tiền mượn 10.000.000 đồng, mặc dù tại đơn khởi kiện ngày 08 tháng 02 năm 2018 bà H đã yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị D và anh S trả khoản nợ mượn bằng 10.000.000 đồng, yêu cầu chị D và anh S cùng có trách nhiệm trả khoản nợ hụi tham gia của chị L 136.500.000 đồng, nhưng tại phiên tòa bà H rút yêu cầu đòi chị D và anh S trả 10.000.000 đồng tiền mượn, bà H thay đổi yêu cầu là buộc chị D và bà H có trách nhiệm cùng trả cho bà số tiền hụi 136.500.000 đồng, không yêu cầu đối với anh S. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu và thay đổi người có trách nhiệm trả nợ nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà H về tiền mượn

10.000.000 đồng; nếu sau này bà H khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Bà H không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử. Đối với yêu cầu thay đổi trách nhiệm trả khoản nợ hụi của bà H được chấp nhận vì không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu.

Về trách nhiệm trả nợ

Biên nhận vay nợ ngày 20 tháng 02 năm 2015 do chị D và anh S cùng ký tên để vay số tiền 20.000.000 đồng, mặc nhiên là anh S biết số nợ này, khoản vay này trong thời kỳ hôn nhân giữa anh S và chị D. Khi chị D bỏ đi thì bà H có đến nơi anh S làm việc để yêu cầu anh S trả nợ, do anh S có ký tên trong biên nhận nên đã trả cho bà H 7.000.000 đồng, bà H chỉ thừa nhận anh S trả 6.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án anh S đều có đơn xin vắng mặt nên không thể đối chất với bà H, do đó anh S phải gánh chịu hậu quả của việc không chứng minh được, phải có trách nhiệm liên đới với chị D thanh toán cho bà H số tiền 20.000.000 đồng – 6.000.000 đồng = 14.000.000 đồng.

Không buộc anh S có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ còn lại là có cơ sở, bởi lẽ:

Thứ nhất: Bà H không chứng minh được mục đích vay nợ của chị D dùng vào sinh hoạt gia đình và việc vay nợ, tham gia hụi diễn ra tại nhà của anh S và chị D.

Thứ hai: Mặc dù trong thời gian anh S và chị D còn quan hệ vợ cH (ly hôn năm 2017) nhưng việc vay mượn nợ và tham gia hụi giùm do chị D và bà H lén lúc vay mượn chứ không thông qua anh S vì anh S chỉ ký tên trong biên nhận vay nợ ngày 20 tháng 02 năm 2015 (biên nhận nợ đầu tiên) còn các biên nhận khác thì anh S không có ký nhận.

Thứ ba: Qua làm việc với người làm chứng (bút lục số 83) là người trực tiếp chở bà H đi đòi nợ chị D thì ông cho rằng cũng không biết anh S là ai, chỉ chở bà H đến nhà bà H là mẹ ruột của chị D đòi nợ khoảng 05 lần.

Thứ tư: Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 13/7/2018 (bút lục số 89), chị L trình bày: Chị có tham gia giùm bà H một chân hụi, loại hụi 5.000.000 đồng, khi tham gia thì đề tên bà H, việc chị D và bà H thỏa thuận thì chị L không biết, sau này mới nghe bà H nói, chị L không biết bà H là ai (sau này mới biết là mẹ chị D), chị L đã hốt hụi và giao cho bà H số tiền 136.500.000 đồng, sau khi trừ tiền cò còn lại 134.500.000 đồng.

Thứ năm: Chị D hốt hụi của chị L trước khi vay các khoản nợ trên của bà H nên lời trình bày của chị D là không có cơ sở.

Thứ sáu: Về khoản tiền 40.000.000 đồng mà bà H nợ bà H đã giải quyết bằng vụ án khác.

Từ những phân tích nêu trên có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc chị D có trách nhiệm trả cho bà H số tiền vay 110.000.000 đồng và tiền vay không lãi (mượn) 10.000.000 đồng, tiền nợ hụi là 20.000.000 đồng theo quy định tại các điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự.

Tại *Giấy cam kết lãnh chơi hụi* ngày 15/01/2015, bà H và chị D cùng ký tên thừa nhận cùng có trách nhiệm trả nợ đối với chân hụi của chị L, tại phiên tòa bà H yêu cầu bà H và chị D cùng có trách nhiệm trả khoản nợ hụi này là có cơ sở, việc thay đổi yêu cầu này không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự buộc bà H và chị D có trách nhiệm liên đới trả cho bà H số tiền nợ hụi là 120.000.000 đồng.

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà H yêu cầu anh S, chị D đối với số tiền mượn đóng hụi giùm 3.000.000 đồng của chân hụi chị Giang, bác yêu cầu chị D và bà H cùng trả số tiền hụi và lãi hụi là 16.500.000 đồng của chân hụi chị L do bà H không có chứng cứ chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bà Nguyễn Thị Thu Giang, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bà vắng mặt, qua xác minh bà Giang không có mặt tại địa phương nên không thu thập lời khai được. Trường hợp có tranh chấp về quyền và lợi ích hợp pháp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Về lãi suất: Bà H không yêu cầu nên không xem xét.

Trường hợp chị D, anh S và bà H chậm trả tiền còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch chị D, anh S, bà H phải chịu theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với một phần yêu cầu của bà H được chấp nhận.

Bà H phải chịu tiền án phí sơ thẩm do một phần yêu cầu khởi kiện của bà H không được chấp nhận, bà được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Ý kiến của Kiểm sát viên là có cơ sở được chấp nhận toàn bộ.

Các đương S có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 463, 466, 468, 470, 471 Bộ luật dân sự; Nghị định số 144/2006/NĐ - CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 1 Điều 228, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Dương Thị Thu H;

- Buộc chị Trần Thị D và anh Nguyễn Quốc S có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Dương Thị Thu H số tiền vốn vay là 14.000.000 đồng (*mười bốn triệu đồng)*.

- Buộc bà Trương Thị H và chị Trần Thị D có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Dương Thị Thu H số tiền nợ hụi là 120.000.000 đồng *(một trăm hai mươi triệu đồng)*

- Buộc chị Trần Thị D thanh toán cho bà Dương Thị Thu H số tiền vay vốn là 110.000.000 đồng và tiền vay không lãi (mượn) 10.000.000 đồng và tiền nợ hụi 20.000.000 đồng. Tổng cộng 140.000.000 đồng *(một trăm bốn mươi triệu đồng).*

Về lãi suất: Bà H không yêu cầu nên không xem xét.

[2]. Bác yêu cầu của bà Dương Thị Thu H đòi chị D và anh S thanh toán số tiền mượn tham gia hụi giùm là 3.000.000 đồng, bác yêu cầu của bà H buộc chị D và bà H thanh toán tiền hụi và khoản lãi hụi là 16.500.000 đồng.

[3]. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khoản tiền mượn bằng 10.000.000 đồng của bà H, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

Kể từ bà H có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp chị D, anh S và bà H chậm thi hành các khoản tiền nêu trên thì chị D, anh S và bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về án phí:

Chị Trần Thị D và anh Nguyễn Quốc S phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 700.000 đồng (*bảy trăm nghìn đồng*).

Chị Trần Thị D và bà Trương Thị H phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 6.000.000 đồng (*sáu triệu đồng*).

Chị Trần Thị D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 7.000.000 đồng *(bảy triệu đồng).*

Do một phần yêu cầu của bà H không được chấp nhận nên bà H phải chịu tiền án phí dân S sơ thẩm là 975.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 7.620.300 đồng theo biên lai thu tiền số 0015793 ngày 22 tháng 02 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, như vậy bà H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.645.300 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và

9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

[5]. Bà H có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị D và bà H vắng mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày tuyên án; thời hạn kháng cáo của anh S tính từ ngày nhận bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương S.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền